

Tháng 9/1999 Chính phủ đã giao cho Bộ khoa học, công nghệ và môi trường chủ trì xây dựng chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam cho giai đoạn sau năm 2000. Thực hiện nhiệm vụ, Vụ quản lý khoa học và công nghệ công nghiệp thuộc Bộ đã khẩn trương thu thập thông tin, tư liệu và bước đầu phác thảo những nét cơ bản về chiến lược này. Công nghệ thông tin là một lĩnh vực công nghệ cao có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển trước mắt cũng như lâu dài của đất nước, do vậy, tiếp cận, nắm bắt cũng như việc đóng góp xây dựng để chiến lược thực sự đi vào cuộc sống là vấn đề rất đáng lưu tâm.

ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Ở VIỆT NAM SAU NĂM 2000

I. Thực trạng.

Công nghệ thông tin (CNTT) bước đầu đã được ứng dụng và phát triển ở nước ta, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước trong những năm vừa qua. Sự phát triển đó có thể điểm lại như sau:

Từ những năm 60 một số cơ sở nghiên cứu, ngành thống kê và trong quốc phòng đã sử dụng máy tính MINSK 22, 32. Sau 1975, có thêm các đàn máy IBM 360/20, 360/30, 360/40, 360/50 được đưa vào sử dụng.

Vào những năm 80, do sự phát triển mạnh mẽ của CNTT trên thế giới, Chính phủ đã quyết định thành lập Tổng cục điện tử và kỹ thuật tin học (năm 1984). Một số cơ sở nghiên cứu và đào tạo về CNTT đã hình thành và đi vào hoạt động trong thời gian này. Các chương trình nghiên cứu quốc gia về CNTT cũng đã được nhanh chóng triển khai.

Đầu những năm 90 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 49/CP (ngày 4/8/1993) về phát triển CNTT ở nước ta trong những năm 90 và Quyết định số 211/TTg (ngày 7/4/1995) phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển CNTT ở nước ta đến năm 2000, qua đó CNTT đã được khẳng định là một hướng công nghệ mũi nhọn. Việc ứng dụng và phát triển CNTT từ đó đã được chú ý đẩy mạnh trong nhiều lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của các ngành KT-XH.

Trong các năm 1996 - 1998, Chương trình quốc gia về CNTT đã bước đầu triển khai xây dựng hạ tầng CNTT trên phạm vi cả nước, đã đóng vai trò xúc tác tích cực cho sự phát triển CNTT ở nước ta, tạo tiền đề cho những bước đi tiếp theo, cụ thể là:

- Đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của toàn xã hội về

CNTT, xã hội thông tin cũng như ý nghĩa, vai trò của CNTT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước.

- Đã tổ chức và hỗ trợ việc đầu tư xây dựng, nâng cấp được 07 khoa CNTT trọng điểm; bồi dưỡng được 235 giáo viên, đào tạo được 133 cán bộ có trình độ cao học, 3 795 cử nhân tin học và 2 500 kỹ thuật viên có trình độ trung cấp. Các dự án tin học hóa cũng đã kết hợp với các cơ sở đào tạo và đã đào tạo được gần 30 ngàn lượt người, trong đó có trên 5 000 cán bộ lãnh đạo các cấp, trên 20 000 người sử dụng, trên 3 000 cán bộ chuyên môn và quản lý các loại, góp phần nâng cao tiềm lực CNTT của đất nước.

- Đã chỉ đạo, hỗ trợ và tham gia việc xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT trong các cơ quan quản lý nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho việc tiếp tục ứng dụng CNTT.

- Đã tổ chức và hỗ trợ xây dựng 06 cơ sở dữ liệu quốc gia trong một số lĩnh vực quan trọng như thống kê, tài chính, tài nguyên đất, dân cư, luật và các văn bản pháp quy...

- Đã tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế để tổ chức được 52 đoàn ra với tổng số 144 lượt người đi để nhanh chóng tiếp cận với một số hướng ưu tiên như phát triển công nghiệp phần mềm, khắc phục sự cố năm 2000, thương mại điện tử, Internet...

Cùng thời gian này, Chính phủ cũng đã ra quyết định thành lập Ban điều phối quốc gia mạng Internet ở Việt Nam và Ban chỉ đạo quốc gia về khắc phục sự cố năm 2000 để chỉ

đạo việc triển khai Internet và khắc phục sự cố năm 2000 ở Việt Nam.

Số lượng máy tính cá nhân, phần mềm và dịch vụ được nhập vào nước ta tăng lên rất nhanh: Bên cạnh việc lắp ráp SKD máy tính ở quy mô nhỏ, chúng ta đã bước đầu thiết kế một số chương trình quản lý, các phần mềm ứng dụng trong sản xuất công nghiệp, trong giáo dục - đào tạo...

Mật độ máy tính ở nước ta hiện nay ước đạt trên 0,7 máy/100 dân; đã hình thành trong cả nước trên 100 mạng máy tính cục bộ thông qua việc nâng cấp các mạng máy tính tại 61 văn phòng UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và 52 bộ, ngành, đoàn thể với hơn 600 máy chủ, trên 10 000 máy trạm và trên 500 phần mềm hệ thống các loại; đã có 94 mạng cục bộ kết nối vào mạng diện rộng hành chính của Chính phủ.

Việt Nam đã nối với mạng Internet quốc tế qua 2 cổng đầu mối tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với trên 50 000 người sử dụng.

Thị trường CNTT năm 1997 đạt khoảng 432 triệu Đô la Mỹ với tốc độ tăng trưởng 56% so với năm 1996.

Mạng viễn thông quốc tế đã được xây dựng với cả hai phương thức vệ tinh và cáp quang. Hiện nay nước ta đã có 9 trạm mặt đất, 3 tổng đài cửa ngõ tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng với 2 334 kênh, liên lạc trực tiếp với hơn 30 nước và liên lạc quá giang với hơn 200 nước trên thế giới.

Hệ thống cáp quang biển T-V-H (Thái

Lan - Việt Nam - Hồng Kông) có dung lượng 565 Mega bit/giây (tương đương 7 000 kênh mỗi hướng); hiện đã khai thác 2 900 kênh. Đường trục Bắc-Nam gồm 2 tuyến cáp quang với kỹ thuật phân cấp đồng bộ số (SDH) 2,5 Giga bit/giây (tương đương 30 000 kênh thoại trên 1 đôi sợi quang).

Các tuyến viễn thông liên tỉnh đều đã được số hóa với kỹ thuật viba số 34-140 Mega bit/giây và cáp quang SDH 155-622 Mega bit/giây.

Mạng truyền số liệu chuyển mạch gói đã được xây dựng với 5 nút chính và trên 30 tổng đài nhỏ phục vụ đặc lực cho các nhu cầu truyền số liệu của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, ngân hàng,...

Để phục vụ tốt hơn quá trình CNH, HĐH đất nước, Chính phủ cũng đã có quyết định triển khai 4 chương trình kỹ thuật - kinh tế thuộc các lĩnh vực công nghệ cao có ý nghĩa chiến lược lâu dài của quốc gia, trong đó có chương trình về CNTT.

CNTT Việt Nam thời gian qua tuy có bước phát triển nhanh nhưng mới chỉ là bước đầu, hiện vẫn đang ở tình trạng lạc hậu, kém phát triển so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chưa tương xứng với tiềm năng về trí tuệ của con người Việt Nam, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển cao của thời kỳ CNH, HĐH đất nước, cụ thể:

- Kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia tuy đã có phát triển nhưng quy mô còn nhỏ bé. Các trang thiết bị trong lĩnh vực CNTT chủ yếu là nhập ngoại. Về cơ bản ta chưa có được một ngành công nghiệp CNTT.

- Số lượng người được đào tạo chính quy và hoạt động trong lĩnh vực CNTT còn ít. Chúng ta tiến hành CNH, HĐH từ một nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu; chưa có một thói quen hoạt động KT-XH dựa vào thông tin. Thông tin chưa thật sự trở thành một nguồn lực cho phát triển KT-XH.

- Trong hệ thống lãnh đạo, điều hành và quản lý các cấp, CNTT chưa được sử dụng như một công cụ đặc lực cho quá trình quản lý và điều hành đất nước. Các công chức của ta cũng chưa có được thói quen sử dụng CNTT trong công việc thường ngày. Các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về CNTT của ta còn mỏng, đầu tư còn ít, trang thiết bị còn lạc

hậu.

II. Mục tiêu phát triển.

Mục tiêu tổng quát là: Tăng cường ứng dụng và phát triển CNTT trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, trong quản lý và điều hành đất nước nhằm nâng cao trình độ công nghệ quốc gia, đảm bảo phát triển KT-XH nhanh và bền vững, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Mục tiêu trước mắt bao gồm:

- Ứng dụng CNTT để nâng cao trình độ công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất - kinh doanh và dịch vụ, HĐH các công nghệ truyền thống nhằm nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới, mang lại hiệu quả cao cho nền kinh tế.

Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp CNTT Việt Nam thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn có vai trò xứng đáng trong khu vực và trên thế giới.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phát triển và nâng cao năng lực trí tuệ Việt Nam, thúc đẩy quá trình HĐH nông nghiệp và nông thôn, phổ cập "văn hóa thông tin" trong đời sống xã hội.

- Ứng dụng CNTT vào việc quản lý và điều hành đất nước ở tất cả các cấp, các ngành nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.

- Từng bước hội nhập vào "Xã hội thông tin" của khu vực và thế giới, đồng thời tăng cường và bảo đảm an ninh và chủ quyền quốc gia.

III. Nội dung chủ yếu.

Tiếp thu và phát huy những kết quả đã đạt được của Chương trình quốc gia về CNTT giai đoạn 1996-1998, sắp tới việc ứng dụng và phát triển CNTT ở nước ta cần thực hiện có hiệu quả các nội dung cụ thể sau:

1. Phục vụ phát triển KT-XH, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, cụ thể cần ứng dụng CNTT để HĐH các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu như năng lượng, dầu khí, điện tử, cơ khí - chế tạo máy, vật liệu, giao thông vận tải, bưu điện, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; HĐH các ngành sản xuất truyền thống, các ngành tiểu thủ công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa,

tăng cường khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới; làm trung tâm cho việc hình thành và phát triển các khu công nghệ cao; HĐH trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; thúc đẩy hội nhập quốc tế, từng bước tham gia xúc tiến thương mại toàn cầu; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

2. Ứng dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trên các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo từ xa, tạo điều kiện để mọi người có thể học suốt đời; quản lý và theo dõi bệnh tật, sức khỏe của nhân dân, chữa bệnh từ xa; quản lý công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; quản lý các hoạt động giải trí, văn hóa - văn nghệ, thể dục và thể thao; nâng cao chất lượng phục vụ của ngành phát thanh và truyền hình, xuất bản, báo chí.

3. Ứng dụng CNTT trong giáo dục - đào tạo: Sử dụng CNTT trong công tác giáo dục và đào tạo để trong một thời gian ngắn hình thành cho được một đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, một lực lượng đông đảo các kỹ thuật viên lành nghề, có khả năng nắm vững, làm chủ và phát huy một cách có hiệu quả những công nghệ và kỹ thuật hiện đại về CNTT trong tất cả các lĩnh vực hoạt động KT-XH, quản lý và điều hành đất nước.

4. Xây dựng ngành công nghiệp CNTT Việt Nam: Xây dựng ngành công nghiệp CNTT Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20-25%; đạt tỷ trọng 10% GDP vào năm 2020. Cần đặc biệt chú ý và khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất phần mềm để trước tiên phục vụ ứng dụng CNTT trong nước và tiếp theo là tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia: Xây dựng mạng truyền thông quốc gia với kỹ thuật hiện đại và đồng bộ dựa trên kỹ thuật: Quang dẫn, SDH và ATM để đáp ứng mọi loại hình thông tin. Hình thành mạng thông tin máy tính cho một số lĩnh vực chủ yếu. Đến năm 2020 về cơ bản xây dựng xong cơ sở hạ tầng thông tin Việt Nam.

6. Ứng dụng CNTT phục vụ sự chỉ đạo, điều hành và quản lý của Nhà nước: Nâng cấp và liên tục hoàn thiện mạng thông tin quốc gia trở thành một hệ thống thông tin

hoàn chỉnh với kỹ thuật hiện đại đạt trình độ quốc tế bảo đảm phục vụ tốt việc quản lý, chỉ đạo và điều hành của Nhà nước từ trung ương đến các bộ ngành và địa phương trong cả nước. Tiếp tục xây dựng và nâng cấp các cơ sở dữ liệu cấp quốc gia phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, điều hành phát triển KT-XH.

7. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển CNTT: Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực CNTT ở nước ta thời gian tới cần hướng vào các nội dung chính sau:

- Lựa chọn để tiếp thu và ứng dụng có hiệu quả các CNTT tiên tiến của thế giới vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Nghiên cứu phát triển các công cụ phần mềm, đặc biệt là các phần mềm ứng dụng phục vụ phát triển KT-XH và quản lý nhà nước. Cần có đầu tư thích hợp để nghiên cứu, tìm kiếm khả năng phát triển các công cụ phần cứng có nhu cầu và có tính khả thi.

- Xây dựng Trung tâm CNTT quốc gia có khả năng nghiên cứu - triển khai về CNTT ở trình độ khu vực và quốc tế.

- Thực hiện mối liên kết, hợp tác nghiên cứu về CNTT giữa các viện nghiên cứu và trường đại học với các cơ sở nghiên cứu - triển khai trong khu vực và trên thế giới.

- Khuyến khích việc thành lập các cơ sở nghiên cứu - triển khai về CNTT ở các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp CNTT thuộc mọi thành phần kinh tế.

8. Ứng dụng CNTT phục vụ quốc phòng - an ninh: Ứng dụng CNTT nhằm hiện đại hoá công tác lãnh đạo - chỉ huy - quản lý các cấp của lực lượng vũ trang. Xây dựng các cơ sở dữ liệu, quy trình xử lý thông tin phục vụ công tác ra quyết định được chính xác, đầy đủ và nhanh chóng. HĐH hệ thống cảnh giới, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin. Ứng dụng CNTT trong xây dựng tiềm lực, nâng cao chất lượng, giảm thời gian và chi phí trong công tác đào tạo huấn luyện. CNTT cần được sử dụng như một công cụ hữu hiệu trong việc truy lùng, phát hiện, ngăn chặn tội phạm, giữ gìn trật tự an ninh và an toàn xã hội.

IV. Những chính sách và giải pháp.

1. Tạo lập một môi trường xã hội cần đến thông tin, coi thông tin như một phương tiện của sản xuất và quản lý. Tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức, đoàn thể và doanh nghiệp... cần đi đầu trong việc tin học hóa từng phần dẫn tiến tới tin học hóa hoàn toàn trong mọi hoạt động.

Tiếp tục phổ cập và nâng cao nhận thức về vai trò và lợi ích của thông tin, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết về CNTT cho mọi công dân Việt Nam. Tiếp tục nâng cao nhận thức và nhu cầu về văn hóa thông tin của nhân dân, tạo cơ hội để mọi người dân đều có thể sử dụng các nguồn thông tin công cộng qua mạng thông tin.

2. Tạo nguồn và chuẩn hóa thông tin quốc gia.

Xây dựng các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin chuẩn. Các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu, các văn bản quan trọng của tất cả các cơ quan Nhà nước, Chính phủ cần được tiêu chuẩn hoá để việc trao đổi thông tin trên mạng máy tính được thuận lợi và thống nhất.

Trong các cơ quan, doanh nghiệp cần phải có cán bộ lãnh đạo trực tiếp phụ trách công tác thông tin. Phải coi đó là công cụ quan trọng để tạo ra của cải vật chất và nâng cao khả năng và vai trò của lãnh đạo cơ quan.

3. Tạo nguồn nhân lực cho CNTT.

Đẩy mạnh việc phổ cập giáo dục tin học trong các trường trung học và tiểu học. Tăng cường đào tạo về CNTT ở bậc đại học và dạy nghề. Thành lập trường đại học CNTT. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia trình độ cao về CNTT.

Khuyến khích, mời chuyên gia giỏi từ nước ngoài làm cố vấn, tham gia các dự án, các chương trình giáo dục và đào tạo CNTT.

Cử một số lượng lớn sinh viên sang học và thực tập tại các nước tiên tiến về CNTT.

4. Chính sách ưu tiên đầu tư ứng dụng và phát triển CNTT.

Chương trình phát triển và ứng dụng CNTT vẫn là một chương trình trọng điểm quốc gia và cần được đầu tư thích đáng từ ngân sách nhà nước. Việc ứng dụng CNTT là một bộ phận quan trọng trong nội dung của mỗi chương trình phát triển KT-XH và phải coi đó là yếu tố chủ yếu để thúc đẩy quá

trình HĐH, nâng cao trình độ công nghệ của từng lĩnh vực phát triển.

Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vốn để ứng dụng và phát triển CNTT.

5. Chuẩn hóa đối với thiết bị và công cụ tin học nhập ngoại.

Cần có các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm tin học nhập ngoại. Việc đặt ra các tiêu chuẩn này không được tạo ra những gò bó phi lý, nhưng là cần thiết để tạo thuận lợi cho việc bảo hành thiết bị, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống trên cơ sở bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, để nâng cao hiệu quả của các sản phẩm tin học nhập ngoại và để khuyến khích các sản phẩm tin học được sản xuất tại Việt Nam.

6. Chính sách mở về thông tin.

Phát triển CNTT sẽ làm tăng lên nhanh chóng sự giao lưu thông tin trong toàn xã hội và với quốc tế, việc kiểm soát thông tin chặt chẽ sẽ có thể gây cản trở hoặc làm ách tắc quá trình giao lưu thông tin. Vì vậy, cần nghiên cứu để xác định được các chế độ hợp lý, có cơ sở khoa học, sao cho việc bảo đảm an ninh và an toàn thông tin không làm trở ngại tới việc tự do giao lưu thông tin một cách hợp pháp trên mạng.

7. Chính sách về chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

Mở rộng hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực CNTT.

Ưu tiên sử dụng vốn vay và viện trợ nước ngoài để đầu tư cho phát triển CNTT, nhất là trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ sở CNTT.

Ưu tiên việc tiếp thu chuyển giao những CNTT tiên tiến mang lại hiệu quả nhanh cho các ngành kinh tế, đồng thời chú trọng nghiên cứu cơ bản về CNTT để chuẩn bị cho những bước tiến tiếp theo.

8. Chính sách sử dụng chuyên gia và cố vấn người Việt ở nước ngoài và người nước ngoài.

Các nước trên thế giới đa tích lũy được nhiều kinh nghiệm ứng dụng và phát triển CNTT. Trong các cộng đồng người Việt sống ở nước ngoài có rất nhiều chuyên gia giỏi về CNTT. Vì vậy, cần khuyến khích và có

những biện pháp cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho Việt kiều và các chuyên gia nước ngoài đến giúp đỡ, hợp tác ứng dụng và phát triển CNTT ở Việt Nam.

9. Chính sách ưu tiên ứng dụng và phát triển CNTT.

Để khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp tích cực tham gia phát triển và ứng dụng CNTT (đặc biệt là phát triển phần mềm), cần có những hình thức ưu đãi như cho vay vốn với lãi suất thấp đối với các cơ sở sản xuất và thực hiện các dịch vụ CNTT thuộc mọi thành phần kinh tế; chính sách miễn hoặc giảm thuế đối với các sản phẩm của CNTT được sản xuất ở trong nước.

10. Khuyến khích sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông để thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển CNTT.

Cần nghiên cứu để đề xuất giá cước viễn thông hợp lý trong điều kiện thu nhập tính trên đầu người còn thấp như của ta hiện nay

nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông một cách hợp lý, có hiệu quả và cũng là để hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng và phát triển CNTT được thực hiện trên quy mô rộng lớn hơn. Rà soát và xây dựng mới các chính sách phù hợp cho việc phát triển các dịch vụ viễn thông tin học mới như Internet, thương mại điện tử... để chuẩn bị cho giai đoạn mới - giai đoạn của hội nhập và cạnh tranh.

11. Chính sách sở hữu trí tuệ và bản quyền tác giả.

Cần sớm ban hành các chính sách và chế độ cụ thể về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền sở hữu các sản phẩm phần mềm, đăng ký phát minh sáng chế trong lĩnh vực CNTT. Cần nghiêm khắc xử phạt các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các chế độ bản quyền tác giả đối với các sản phẩm CNTT trong và ngoài nước theo các quy định pháp luật hiện hành

của Nhà nước và các thông lệ quốc tế.

12. Chính sách bảo vệ an ninh và an toàn thông tin quốc gia.

Việc trao đổi thông tin trên mạng cần tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và các thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo an ninh và an toàn thông tin. Quyền sở hữu thông tin cùng với việc bảo vệ bí mật thông tin của cá nhân, của các tổ chức KT-XH... cần tiếp tục được thể chế hóa bằng các văn bản pháp luật và các tài liệu hướng dẫn cụ thể.

Tăng cường công tác giáo dục để nâng cao ý thức cho mọi tầng lớp nhân dân về nội dung và yêu cầu của công tác đảm bảo an ninh thông tin trong tình hình hiện nay.

Cần có tổ chức và đầu tư thích hợp để tiếp nhận và phát triển các kỹ thuật tiên tiến về bảo mật, bảo đảm an ninh an toàn thông tin.

Biên tập: Đặng Ngọc Bảo



Dự án Cộng đồng châu Âu (EU) - Việt Nam về sở hữu trí tuệ (SHTT) đã được triển khai 3 năm và kết thúc vào năm 2000. Mục tiêu của Dự án là thông qua trợ giúp của EC, Việt Nam có điều kiện tiếp thu các kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực pháp luật và thực tiễn tổ chức điều hành hệ thống bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN), từng bước hội nhập với châu Âu và thế giới.

Trong 3 năm qua, bên cạnh các hoạt động khác, Ủy ban châu Âu đã giúp chúng ta tổ chức nhiều hội thảo liên quan đến việc bảo hộ các đối tượng khác nhau của SHCN, cũng như về cách thức đảm bảo để các quyền SHCN được thực thi một cách có hiệu quả. Các vấn đề bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và giống cây trồng cũng như trình tự, thủ tục hành chính, tổ tụng liên quan đến SHCN áp dụng tại châu Âu đã được giới thiệu cho đông đảo cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản pháp luật, thực thi pháp luật và các nhà doanh nghiệp nước ta. Những kinh nghiệm quý báu đó đã giúp đỡ

HỘI THẢO: “BẢO HỘ SÁNG CHẾ VỀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC”

đặc lực cho việc biên soạn các văn bản pháp luật, truyền bá tri thức, kinh nghiệm cho các giới liên quan tại nước ta về SHCN. Các văn bản đã ban hành cũng như các văn bản mới được đề trình để Chính phủ xem xét về SHCN đều có vận dụng các kinh nghiệm của châu Âu.

Tiếp tục triển khai Dự án, trong 2 ngày 14-15/12/1999, tại Hà Nội, Cục sở hữu công nghiệp - Bộ KH, CN & MT phối hợp với Cơ quan Patent châu Âu tổ chức hội thảo: “Bảo hộ sáng chế về công nghệ sinh học”.

Tham dự Hội thảo có gần 100 cán bộ của các cơ quan có liên quan đến soạn thảo văn bản pháp luật về SHCN, thực thi quyền SHCN, các cơ quan nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp, đại diện SHCN và các giảng viên có nhiều kinh nghiệm đến từ châu Âu. Hội thảo tập trung thảo luận các chủ đề: Các văn bản hiện hành của Việt Nam về bảo hộ sáng chế; khái quát các Hiệp ước quốc tế về bảo hộ sáng chế liên quan đến công nghệ sinh học; bảo hộ sáng chế về công nghệ sinh học tại châu Âu; bảo hộ giống cây, con, phương pháp chữa bệnh và chủng vi sinh theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT.

Hội thảo “Bảo hộ sáng chế về công nghệ sinh học” không chỉ góp phần tăng cường năng lực cho việc bảo hộ sáng chế mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghệ sinh học của nước ta.

Tin và ảnh: Nguyễn Công Mai
Tạp chí Hoạt động khoa học